

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Nhân;
- Bà Trần Thị Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 23, đường N, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2021); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà H và bà N có mối quan hệ quen biết bà N là người thường xuyên mua mủ cao su tại vườn của bà H, bà H và bà N không có quan hệ bà con ruột thịt.

Trong năm 2021, bà N có mua mủ cao su của bà H. Quá trình mua bán mủ bà N thiếu nợ của bà H số tiền 11.141.000 đồng. Đến ngày 12/10/2021 tại Công ty TNHH Cao su L (viết tắt là Công ty L), bà N có làm cam kết nội dung hẹn đến ngày 05/11/2021 sẽ trả cho bà H số tiền 6.000.000 và ngày 25/11/2021 trả hết số tiền còn lại. Nhưng đến hẹn bà N không trả. Ngày 07/11/2021 bà H khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, buộc bà N trả cho bà số tiền mua mủ cao su 11.141.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Bà T đại diện theo ủy quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà N, buộc bà N trả cho bà H số tiền nợ mua mủ cao su là 11.141.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Ngoài khoản nợ mua mủ cao su 11.141.000 đồng, bà N không còn nợ bà H khoản tiền nào khác.

Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và bà H có mối quan hệ quen biết thông qua việc mua bán mủ cao su, không có mối quan hệ bà con ruột thịt; bà thừa nhận ngày 12/10/2021, tại Công ty L có lập bảng cam kết nội dung còn nợ lại của bà H tiền mua bán mủ là 11.141.000 đồng, bà ký tên “N” vào mục đại diện bên A. Bà thừa nhận còn nợ lại số tiền mua mủ của bà H là 11.141.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền 11.141.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H, xin không trả lãi do hiện nay kinh doanh gặp khó khăn, bà không có thu nhập.

Bà thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu

ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bà Nguyễn Thị Kim N đã được niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bà N.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị Kim N về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền 11.141.000 đồng (mười một triệu bốn một trăm bốn mươi một nghìn) đồng và số tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Bà Lê Thị Thu H không phải chịu án phí; bà Nguyễn Thị Kim N thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn án phí cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nơi cư trú cuối cùng Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh trả cho bà số tiền mua mủ cao su 11.141.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 25/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đây là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được niêm yết giấy triệu tập và

các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà Thu, bà N.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Xét về hợp đồng mua bán mủ cao su và yêu cầu trả số tiền mua mủ cao su của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua mủ cao su 11.141.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và cung cấp chứng cứ chứng minh là “Bảng cam kết” lập ngày 12/10/2021 tại Công ty L. Quá trình giải quyết vụ án bà N có lời khai, lời trình bày tại Tòa án thừa nhận bà và bà H có quan hệ mua bán mủ cao su đã nhiều năm. Đến ngày 12/10/2021, tại Công ty L có lập bảng cam kết nội dung còn nợ lại của bà H tiền mua mủ cao su là 11.141.000 đồng, bà ký tên “N” vào mục đại diện bên A. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền 11.141.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H, xin không trả lãi do hiện nay kinh doanh gặp khó khăn, bà không có thu nhập. Như vậy có sự thật mua bán mủ cao su giữa bà H và bà N cũng như có việc bà N còn nợ lại bà H số tiền mua mủ cao su là 11.141.000 đồng. Theo Bảng cam kết bà N hứa hẹn ngày 05/11/2021 trả 6.000.000 đồng, đến ngày 25/11/2021 trả số tiền còn lại, đến hẹn bà N không trả nên bà H nộp đơn khởi kiện buộc bà N trả cho bà số tiền 11.141.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi chậm trả thấy rằng:

Theo “Bảng cam kết” thể hiện thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 25/11/2022, nhưng bà N không thanh toán theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự; có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0.83%/tháng/số tiền chậm trả tính từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự,

Như vậy lãi suất bà H được hưởng là:

$(11.141.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 15 \text{ tháng} = 1.393.000 \text{ đồng}.$

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận bà H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Kim N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị Kim N về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền 12.534.000 (mười hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng (trong đó có 11.141.000 đồng tiền nợ gốc và 1.393.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu H không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị T nộp thay theo biên lai thu số 0016894 ngày 08/11/2021.

Bà Nguyễn Thị Kim N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân